

Số: 4529/QĐ-ĐHNH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận đủ điều kiện học Anh văn chuyên ngành đối với sinh viên hệ
đại học chính quy tiếng Anh bán phần (CLC) đợt tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 658/QĐ-ĐHNH ngày 04/4/2024 của Thống đốc Ngân hàng
nhà nước Việt Nam về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của
Trường đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 159/NQ-ĐHNH-HĐT ngày 16/09/2024 của Chủ tịch Hội
đồng trường về việc ban hành Quy chế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và đào
tạo về việc Ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Căn cứ Quyết định số 1070/QĐ-ĐHNH, ngày 24/04/2024 của Hiệu trưởng về việc
ban hành Quy chế tổ chức và triển khai thực hiện chương trình đào tạo chất lượng cao,
tiếng Anh bán phần, chương trình đào tạo đặc biệt trình độ đại học tại Trường Đại học
Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Xét chứng chỉ Anh văn sinh viên nộp và đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Đào
tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận đạt chuẩn tiếng Anh giai đoạn đào tạo đại cương (tương đương
trình độ tiếng Anh bậc 3/6 theo tiêu chuẩn Việt Nam) đối với 250 sinh viên đại học chính
quy chương trình tiếng Anh bán phần (CLC) đợt tháng 11 năm 2025.

(Danh sách đính kèm)



Điều 2. Các đơn vị phối hợp thực hiện theo Quyết định số 1075/QĐ-ĐHNH, ngày 08/05/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành quy chế quản lý điểm trên Hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng Phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3: để thực hiện;
- Phòng KT&ĐBCL;
- Lưu VP, Ban CLC.



HIỆU TRƯỞNG

PGS, TS. Nguyễn Đức Trung



**DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY CHƯƠNG TRÌNH
TIẾNG ANH BÀN PHÂN (CLC) VÀ CTĐT ĐẶC BIỆT ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ CÁC HỌC PHẦN
TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH ĐỢT THÁNG 11 NĂM 2025**



*(Ban hành kèm theo Quyết định: 459/QĐ-ĐHNH, ngày 28 tháng 11 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh)*

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
						VSTEP	IELTS	TOEIC	IBT
1	050512240001	Mai Hoài	An	07/01/2006	HQ12-ACC04	3/6			
2	050312240002	Nguyễn Thành	An	24/07/2006	HQ12-MAG02	3/6			
3	050312240245	Bùi Thụy Thiên	Ấn	12/04/2006	HQ12-MAG05	3/6			
4	050112240380	Lê Trâm	Anh	26/05/2006	HQ12-BAF21	3/6			
5	050312240005	Đỗ Mai	Anh	31/12/2006	HQ12-MAG08	3/6			
6	050312240013	Phạm Nguyễn Duy	Anh	17/02/2006	HQ12-MAG06	3/6			
7	050112240399	Nguyễn Quỳnh	Anh	29/12/2006	HQ12-BAF23	3/6			
8	050112240401	Nguyễn Thị Trâm	Anh	22/04/2006	HQ12-BAF19	3/6			
9	050312240012	Nguyễn Phương	Anh	01/01/2006	HQ12-MAG01	3/6			
10	050611230045	Lê Hoàng	Anh	19/08/2005	HQ11-BAF16	3/6			
11	050512240009	Phạm Minh	Anh	04/03/2006	HQ12-ACC03	3/6			
12	050112240405	Quách Ngọc Yến	Anh	25/08/2006	HQ12-BAF20	3/6			
13	050112240404	Phạm Hoài	Anh	12/01/2006	HQ12-BAF14	3/6			
14	050512240003	Nguyễn Hồng Trâm	Anh	28/09/2006	HQ12-ACC02	3/6			
15	050312240011	Nguyễn Nữ Quỳnh	Anh	21/04/2006	HQ12-MAG07	3/6			
16	050812240047	Nguyễn Phương	Anh	22/10/2006	HQ12-INE01	3/6			
17	050112240411	Trần Thị Phương	Anh	16/09/2006	HQ12-BAF16	3/6			
18	050112240400	Nguyễn Quỳnh	Anh	16/09/2006	HQ12-BAF04	3/6			
19	050812240049	Phạm Quỳnh	Anh	17/04/2006	HQ12-INE02	3/6			
20	050112240420	Nguyễn Hồng	Ánh	30/08/2006	HQ12-BAF23	3/6			
21	050112240416	Đỗ Hoàng Hồng	Ánh	18/06/2006	HQ12-BAF04	3/6			
22	050212240042	Trương Thị Ngọc	Ánh	13/11/2006	HQ12-MIS01	3/6			
23	050112240423	Trần Ngọc Kim	Ánh	03/06/2006	HQ12-BAF01	3/6			
24	050812240008	Nguyễn Ngọc	Ánh	26/11/2006	HQ12-INE01	3/6			
25	050112240016	Nguyễn Ngọc	Ánh	09/02/2006	HQ12-BAF12	3/6			
26	050112240442	Nguyễn Hoàng Bảo	Châu	23/02/2006	HQ12-BAF19	3/6			
27	050112240026	Võ Ngô Quỳnh	Chi	23/01/2006	HQ12-BAF19	3/6			
28	050112240321	Lê Dương Cẩm	Đài	01/06/2006	HQ12-BAF08	4/6			
29	050312240255	Lê Hoàng Triệu	Đan	29/05/2006	HQ12-MAG08	3/6			
30	050312240257	Tô Hoàng Khánh	Đăng	10/01/2006	HQ12-MAG04	3/6			



STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
						VSTEP	IELTS	TOEIC	IBT
31	050112240451	Ngô Thị Minh	Diễm	15/01/2006	HQ12-BAF15	3/6			
32	050112240319	Lê Nguyễn Ngọc	Diệp	26/02/2006	HQ12-BAF22		4.5		
33	050512240141	Lê Thị Kim	Diệu	01/11/2006	HQ12-ACC01	3/6			
34	050112240485	Phan Nhã	Đoan	19/11/2006	HQ12-BAF05	3/6			
35	050312240258	Huỳnh Nguyễn Tâm	Đoan	07/03/2006	HQ12-MAG04	3/6			
36	050112240484	Lê Tâm	Đoan	09/11/2006	HQ12-BAF02	3/6			
37	050112240458	Hà Tiến	Dũng	21/08/2006	HQ12-BAF18	3/6			
38	050112240473	Nguyễn Trần Bạch	Dương	14/04/2006	HQ12-BAF15	3/6			
39	050312240253	Nguyễn Hoàng Ánh	Dương	19/01/2006	HQ12-MAG06	3/6			
40	050312240254	Trần Nguyễn Thùy	Dương	19/05/2006	HQ12-MAG06	3/6			
41	050212240044	Trương Quốc	Duy	25/09/2006	HQ12-MIS01	3/6			
42	050112240038	Trần Mỹ	Duyên	04/11/2006	HQ12-BAF09	3/6			
43	050112240467	Phan Quốc Thị Mỹ	Duyên	10/05/2006	HQ12-BAF13	3/6			
44	050812240014	Hà Ngọc Kỳ	Duyên	07/04/2006	HQ12-INE01	3/6			
45	050512240147	Hồ Ngọc	Giàu	14/07/2006	HQ12-ACC01	3/6			
46	050112240050	Phạm Vân	Hà	15/01/2004	HQ12-BAF04	3/6			
47	050112240048	Nguyễn Khánh	Hà	07/09/2006	HQ12-BAF02	3/6			
48	050812240051	Nguyễn Lê Ngọc	Hà	17/08/2006	HQ12-INE01	3/6			
49	050312240043	Mai Công	Hạ	15/04/2005	HQ12-MAG05	3/6			
50	050112240521	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	26/07/2006	HQ12-BAF06	3/6			
51	050112240530	Trương Gia	Hân	20/12/2006	HQ12-BAF18	3/6			
52	050112240064	Lê Thái Ngọc	Hân	18/08/2006	HQ12-BAF04	3/6			
53	050212240004	Lâm Mỹ	Hân	16/06/2006	HQ12-MIS01	3/6			
54	050112240056	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	01/04/2006	HQ12-BAF08	3/6			
55	050212240003	Dương Lê Ngọc	Hạnh	11/03/2006	HQ12-MIS01	3/6			
56	050512240161	Phan Nguyễn Trọng	Hiếu	25/08/2006	HQ12-ACC06	3/6			
57	050112240544	Nguyễn Thu	Hiếu	26/08/2006	HQ12-BAF21	3/6			
58	050312240059	Bùi Thái	Hòa	12/05/2006	HQ12-MAG05	3/6			
59	050112240323	Trần Đức	Hòa	28/09/2006	HQ12-BAF21	3/6			
60	050112240552	Lê Minh	Hoàng	07/11/2006	HQ12-BAF02	3/6			
61	050112240091	Đỗ Gia	Hung	20/09/2006	HQ12-BAF18	3/6			
62	050112240586	Nguyễn Huỳnh	Hương	22/08/2006	HQ12-BAF19	3/6			
63	050112240585	Lê Thị Lan	Hương	12/09/2006	HQ12-BAF14	3/6			
64	050112240077	Phạm Nhật Minh	Huy	08/09/2006	HQ12-BAF02	3/6			

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
						VSTEP	IELTS	TOEIC	IBT
65	050112240575	Trần Mai	Huyền	26/10/2006	HQ12-BAF21	3/6			
66	050512240168	Trần Thị Thanh	Huyền	26/08/2006	HQ12-ACC06	3/6			
67	050112240086	Phan Thị Thanh	Huyền	26/02/2006	HQ12-BAF22	3/6			
68	050112240577	Văn Thanh	Huyền	23/01/2006	HQ12-BAF19	3/6			
69	050212240005	Phạm Thị Thanh	Huyền	25/08/2006	HQ12-MIS01	3/6			
70	050611230466	Nguyễn Xuân	Khả	02/02/2005	HQ11-BAF17	3/6			
71	050112240598	Phan Phúc	Khang	16/09/2006	HQ12-BAF16	3/6			
72	050112240325	Huỳnh Lê Minh	Khang	13/09/2006	HQ12-BAF03	3/6			
73	050112240602	Phạm Ngọc Phương	Khanh	30/10/2006	HQ12-BAF23	4/6			
74	050312240281	Nguyễn Thị Ngọc	Khánh	08/02/2006	HQ12-MAG01	3/6			
75	050812240023	Nguyễn Đăng	Khoa	06/10/2006	HQ12-INE02	3/6			
76	050112240624	Cao Trung	Kiên	14/04/2006	HQ12-BAF15	3/6			
77	050112240628	Đỗ Gia	Kiệt	17/02/2006	HQ12-BAF04	3/6			
78	050312240289	Nguyễn Hoàng Thiên	Kim	10/05/2006	HQ12-MAG01	3/6			
79	050112240635	Huỳnh An	Lạc	21/08/2006	HQ12-BAF05	3/6			
80	050112240639	Thái Nguyễn Kiều	Lam	11/01/2006	HQ12-BAF03	3/6			
81	050112240641	Nguyễn Thị Mai	Lan	16/05/2006	HQ12-BAF16	3/6			
82	050112240109	Nguyễn Ngọc Vân	Lê	28/08/2006	HQ12-BAF22	3/6			
83	050512240177	Nguyễn Thùy Thảo	Linh	09/09/2006	HQ12-ACC01	3/6			
84	050212240012	Trần Diệu	Linh	20/01/2006	HQ12-MIS01	3/6			
85	050212240011	Tao Trúc	Linh	03/09/2006	HQ12-MIS01	3/6			
86	050112240645	Hồ Ngọc Phương	Linh	26/09/2006	HQ12-BAF21	3/6			
87	050112240659	Phạm Tô Mai	Linh	14/11/2005	HQ12-BAF15	3/6			
88	050312240079	Đỗ Phương	Linh	26/03/2006	HQ12-MAG07	3/6			
89	050112240117	Nguyễn Thị Hồng	Lĩnh	15/11/2006	HQ12-BAF16	3/6			
90	050112240673	Lâm Thụy Kim	Lợi	20/09/2006	HQ12-BAF05	3/6			
91	050112240678	Lưu Khánh	Ly	11/12/2006	HQ12-BAF13	3/6			
92	050112240682	Trần Phan Oanh	Ly	28/05/2006	HQ12-BAF21	3/6			
93	050312240085	Võ Ngọc Phương	Ly	08/09/2006	HQ12-MAG01	3/6			
94	050112240681	Phạm Kỳ Thái	Ly	06/08/2006	HQ12-BAF11	3/6			
95	050112240679	Nguyễn Hương	Ly	08/04/2006	HQ12-BAF12	3/6			
96	050312240086	Đào Bạch Thanh	Mai	02/10/2006	HQ12-MAG03	3/6			
97	050112240686	Nguyễn Thị Xuân	Mai	11/07/2006	HQ12-BAF13	3/6			
98	050312240296	Nguyễn Phương	Mai	12/09/2006	HQ12-MAG01	3/6			

HÀ
 TRƯỜNG
 CÔNG
 ANH
 CHỈ

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
					VSTEP	IELTS	TOEIC	IBT
99	050312240087	Nguyễn Phạm Phương Mai	19/12/2006	HQ12-MAG02			580+290	
100	050112240339	Trần Thị Phương Minh	21/06/2006	HQ12-BAF18	3/6			
101	050112240699	Nguyễn Đăng Minh	19/02/2006	HQ12-BAF05	4/6			
102	050112240125	Hồ Hải My	17/11/2006	HQ12-BAF04	3/6			
103	050112240711	Văn Uyên Thảo My	14/02/2006	HQ12-BAF15	3/6			
104	050112240127	Nguyễn Trà My	20/02/2006	HQ12-BAF17	3/6			
105	050112240132	Lê Thị Na Na	26/05/2006	HQ12-BAF22	3/6			
106	050112240716	Lê Thị Xin Na	03/08/2006	HQ12-BAF09	3/6			
107	050112240717	Trần Thị Y Na	15/06/2006	HQ12-BAF15	3/6			
108	050512240057	Trần Thị Na Na	06/10/2006	HQ12-ACC04	3/6			
109	050212240058	Nguyễn Nữ Khánh Na	11/12/2005	HQ12-MIS01	3/6			
110	050112240718	Đặng Thị Thúy Nga	07/07/2006	HQ12-BAF11	3/6			
111	050512240061	Trần Ngọc Phương Ngân	21/12/2005	HQ12-ACC02	3/6			
112	050112240147	Trần Bảo Ngân	23/07/2006	HQ12-BAF06	3/6			
113	050212240016	Vũ Thị Thùy Ngân	30/01/2006	HQ12-MIS02	3/6			
114	050112240727	Nguyễn Hà Ngọc Ngân	04/08/2006	HQ12-BAF09	3/6			
115	050112240139	Ngô Kim Ngân	28/04/2006	HQ12-BAF21	3/6			
116	050112240726	Lê Thị Kim Ngân	07/12/2006	HQ12-BAF11	3/6			
117	050112240145	Phan Trần Ngọc Ngân	11/07/2006	HQ12-BAF03	3/6			
118	050112240743	Võ Tạ Phương Nghi	26/08/2006	HQ12-BAF07	3/6			
119	050112240741	Nguyễn Huỳnh Xuân Nghi	01/02/2006	HQ12-BAF01	4/6			
120	050112240749	Lâm Bích Ngọc	20/05/2006	HQ12-BAF05	3/6			
121	050312240105	Đỗ Thị Minh Ngọc	31/12/2006	HQ12-MAG08	4/6			
122	050312240112	Trần Minh Ngọc	29/08/2006	HQ12-MAG08	3/6			
123	050312240106	Lê Huỳnh Bảo Ngọc	18/02/2006	HQ12-MAG06	3/6			
124	050112240154	Bùi Lê Hồng Ngọc	07/02/2006	HQ12-BAF02	3/6			
125	050112240763	Trần Hồng Ngọc	14/05/2006	HQ12-BAF15	3/6			
126	050112240157	Huỳnh Hoàng Ngọc	16/12/2006	HQ12-BAF16	3/6			
127	050112240156	Đoàn Bảo Ngọc	15/01/2006	HQ12-BAF15	3/6			
128	050312240311	Trần Hồ Bảo Ngọc	29/03/2006	HQ12-MAG08	3/6			
129	050312240111	Nguyễn Thị Bích Ngọc	12/08/2006	HQ12-MAG05	3/6			
130	050812240058	Lê Nguyễn Bảo Ngọc	06/10/2006	HQ12-INE02	3/6			
131	050112240170	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	27/04/2006	HQ12-BAF22	3/6			
132	050112240172	Phạm Lê Thảo Nguyên	21/12/2006	HQ12-BAF05	3/6			

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
					VSTEP	IELTS	TOEIC	IBT
133	050212240018	Nguyễn Phạm Phương Nguyên	20/08/2006	HQ12-MIS02	3/6			
134	050112240175	Bùi Như Nguyệt	16/06/2006	HQ12-BAF04	3/6			
135	050112240784	Nguyễn Kim Nhân	27/11/2006	HQ12-BAF21	3/6			
136	050112240189	Trần Ngọc Phương Nhi	21/01/2006	HQ12-BAF05	3/6			
137	050112240805	Nguyễn Thị Yến Nhi	09/07/2006	HQ12-BAF12	3/6			
138	050312240320	Nguyễn Hoàng Ý Nhi	30/10/2006	HQ12-MAG08	3/6			
139	050312240323	Trần Thị Yến Nhi	20/04/2006	HQ12-MAG06	3/6			
140	050312240118	Nguyễn Thị Yến Nhi	30/07/2006	HQ12-MAG08	3/6			
141	050312240319	Lê Yến Nhi	14/07/2006	HQ12-MAG05	3/6			
142	050112240803	Nguyễn Phan Yến Nhi	28/08/2006	HQ12-BAF07	4/6			
143	050312240125	Nguyễn Thị Quỳnh Như	29/06/2006	HQ12-MAG02	3/6			
144	050112240345	Phạm Quỳnh Như	21/02/2006	HQ12-BAF05	3/6			
145	050112240827	Nguyễn Hồ Quỳnh Như	29/03/2006	HQ12-BAF21	3/6			
146	050112240834	Nguyễn Thụy Quỳnh Như	03/05/2006	HQ12-BAF09	3/6			
147	050112240196	Ngô Nguyễn Quỳnh Như	15/10/2006	HQ12-BAF15	3/6			
148	050312240126	Phạm Quỳnh Như	31/01/2006	HQ12-MAG08	3/6			
149	050312240127	Trương Thị Quỳnh Như	30/03/2006	HQ12-MAG08	4/6			
150	050112240195	Huỳnh Thị Tố Như	18/08/2005	HQ12-BAF17	3/6			
151	050112240836	Phan Thị Huỳnh Như	15/08/2006	HQ12-BAF15	3/6			
152	050112240825	Lê Tâm Như	08/07/2006	HQ12-BAF12	3/6			
153	050112240191	Phan Thị Thùy Nhung	27/12/2006	HQ12-BAF22	3/6			
154	050112240840	Trần Khánh Nhựt	17/10/2006	HQ12-BAF16	3/6			
155	050112240842	Võ Hoàng Oanh	01/01/2006	HQ12-BAF08	3/6			
156	050312240335	Trần Thanh Phong	04/10/2006	HQ12-MAG03	4/6			
157	050112240205	Vũ Thiên Phúc	12/02/2006	HQ12-BAF14	3/6			
158	050112240858	Đỗ Ngọc Hà Phương	20/01/2006	HQ12-BAF17	3/6			
159	050312240339	Lê Thụy Vân Phương	07/05/2006	HQ12-MAG04	3/6			
160	050312240130	Nguyễn Mai Phương	29/06/2006	HQ12-MAG08	4/6			
161	050312240134	Phạm Thị Mai Phương	21/02/2006	HQ12-MAG02	3/6			
162	050112240874	Nguyễn Phạm Tiến Quân	22/01/2006	HQ12-BAF05	3/6			
163	050112240875	Trương Minh Quân	23/03/2006	HQ12-BAF06	3/6			
164	050112240214	Đặng Đức Quý	06/08/2006	HQ12-BAF11	3/6			
165	050112240882	Phùng Thị Mỹ Quyên	03/06/2006	HQ12-BAF01	3/6			
166	050512240220	Đặng Lê Hải Quỳnh	10/03/2006	HQ12-ACC04	3/6			

NƯỚC
 G
 HÃN
 HỒ
 NH

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
						VSTEP	IELTS	TOEIC	IBT
167	050512240084	Võ Diễm	Quỳnh	13/02/2006	HQ12-ACC01	3/6			
168	050112240892	Nguyễn Đoàn Như	Quỳnh	25/04/2006	HQ12-BAF06	3/6			
169	050112240887	Lý Ngọc	Quỳnh	25/09/2006	HQ12-BAF20		5.0		
170	050112240886	Lâm Trúc	Quỳnh	18/02/2006	HQ12-BAF04	3/6			
171	050312240152	Vũ Thành	Tài	29/07/2006	HQ12-MAG08	3/6			
172	050312240154	Nguyễn Phương	Tâm	06/11/2006	HQ12-MAG04	4/6			
173	050112240922	Lê Đặng Tiểu	Thành	28/12/2006	HQ12-BAF22	3/6			
174	050312240155	Bùi Phương	Thảo	10/11/2006	HQ12-MAG05	3/6			
175	050312240347	Nguyễn Thị Phương	Thảo	06/11/2006	HQ12-MAG04	3/6			
176	050112240926	Hồ Thị Phương	Thảo	07/11/2006	HQ12-BAF11	3/6			
177	050512240089	Trương Đỗ Việt	Thảo	26/04/2006	HQ12-ACC06	3/6			
178	050112240925	Đặng Thị Phương	Thảo	05/08/2006	HQ12-BAF10	3/6			
179	050112240942	Trương Thị Thanh	Thảo	14/02/2006	HQ12-BAF15	3/6			
180	050112240924	Đỗ Thị Phương	Thảo	25/05/2006	HQ12-BAF20	3/6			
181	050112240229	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	12/02/2006	HQ12-BAF03	3/6			
182	050112240226	Lê Hồng Phương	Thảo	25/01/2006	HQ12-BAF20	3/6			
183	050112240932	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	22/11/2006	HQ12-BAF06	3/6			
184	050512240091	Tăng Hiếu	Thịnh	13/10/2006	HQ12-ACC01	3/6			
185	050112240976	Lại Hoàng Minh	Thư	19/02/2006	HQ12-BAF17	3/6			
186	050312240172	Phạm Anh	Thư	23/10/2006	HQ12-MAG07	3/6			
187	050112240983	Nguyễn Huỳnh Nhật	Thư	13/06/2006	HQ12-BAF03	4/6			
188	050112240974	Lê Thị Minh	Thư	25/10/2006	HQ12-BAF21	3/6			
189	050112240994	Phan Ngọc Yến	Thư	16/11/2006	HQ12-BAF16		5.5		
190	050312240354	Nguyễn Hoàng Minh	Thư	18/11/2006	HQ12-MAG02		6.0		
191	050112240987	Nguyễn Thị Anh	Thư	01/05/2006	HQ12-BAF08	3/6			
192	050312240358	Nguyễn Phương Hoài	Thương	11/07/2006	HQ12-MAG01	3/6			
193	050112240968	Võ Phạm Thanh	Thúy	14/01/2006	HQ12-BAF15	3/6			
194	050512240095	Văn Hoa Anh	Thùy	12/10/2006	HQ12-ACC04	3/6			
195	050112240966	Trần Ngọc Phương	Thùy	05/03/2006	HQ12-BAF10	4/6			
196	050112240235	Phạm Phương	Thùy	24/04/2006	HQ12-BAF20	3/6			
197	050312240352	Thiều Thị Thanh	Thuyền	16/03/2006	HQ12-MAG02	3/6			
198	050312240178	Trần Hoàng Bảo	Thy	02/03/2006	HQ12-MAG03	3/6			
199	050112241008	Võ Nguyễn Phương	Thy	10/01/2006	HQ12-BAF02	3/6			
200	050312240180	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	11/03/2006	HQ12-MAG01	3/6			

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
						VSTEP	IELTS	TOEIC	IBT
201	050112240251	Quách Lê Ngọc	Tiên	02/01/2006	HQ12-BAF01	3/6			
202	050312240181	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	27/04/2006	HQ12-MAG08	3/6			
203	050112241017	Lê Văn	Toàn	30/05/2006	HQ12-BAF23	3/6			
204	050112241021	Hồ Thị Ngọc	Trà	05/11/2006	HQ12-BAF10	3/6			
205	050112240265	Hoàng Ngọc Quỳnh	Trâm	26/04/2006	HQ12-BAF22	3/6			
206	050112241052	Nguyễn Ngọc	Trâm	21/01/2006	HQ12-BAF18	3/6			
207	050112240266	Lê Thị Bích	Trâm	26/06/2006	HQ12-BAF22	3/6			
208	050512240111	Nguyễn Ngọc Quế	Trân	16/10/2006	HQ12-ACC01	3/6			
209	050512240110	Ngô Bảo	Trân	02/07/2006	HQ12-ACC03	3/6			
210	050512240252	Trần Bảo	Trân	09/04/2006	HQ12-ACC04	3/6			
211	050112240272	Nguyễn Song Bảo	Trân	18/01/2006	HQ12-BAF17	3/6			
212	050112241060	Huỳnh Bảo	Trân	07/02/2006	HQ12-BAF11	3/6			
213	050312240186	Lê Thị Thùy	Trang	23/02/2006	HQ12-MAG07	3/6			
214	050512240247	Nguyễn Thùy	Trang	23/01/2006	HQ12-ACC06	3/6			
215	050112240259	Cao Hoàng Thảo	Trang	22/03/2004	HQ12-BAF18	3/6			
216	050112240276	Mai Sơn Khánh	Triệu	23/08/2006	HQ12-BAF06	3/6			
217	050512240253	Lê Thị Mỹ	Trinh	01/01/2006	HQ12-ACC01	3/6			
218	050112240277	Phạm Lê Thùy	Trinh	22/02/2006	HQ12-BAF18	3/6			
219	050312240204	Phan Ngọc Phương	Trinh	16/11/2006	HQ12-MAG06	3/6			
220	050312240201	Lê Kiều	Trinh	10/04/2006	HQ12-MAG04	3/6			
221	050312240205	Ngô Thị Khánh	Trinh	11/07/2006	HQ12-MAG05	4/6			
222	050112240284	Trần Thanh	Tú	24/10/2006	HQ12-BAF06	3/6			
223	050112241098	Phan Lê Thanh	Tú	08/08/2006	HQ12-BAF02	3/6			
224	050112240354	Đinh Minh	Tuệ	28/08/2006	HQ12-BAF07	3/6			
225	050112241100	Hứa Gia	Tuệ	06/03/2006	HQ12-BAF02	3/6			
226	050112241107	Nguyễn Thiên	Tường	28/02/2006	HQ12-BAF22	3/6			
227	050212240075	Trần Ý	Tường	05/08/2006	HQ12-MIS02	3/6			
228	050212240074	Trịnh Thị	Tuyển	28/07/2006	HQ12-MIS01	3/6			
229	050112240286	Lê Nguyễn Thanh	Tuyền	16/03/2006	HQ12-BAF04			675+280	
230	050312240217	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	05/08/2006	HQ12-MAG03	3/6			
231	050512240259	Nguyễn Thu	Uyên	21/06/2006	HQ12-ACC02	3/6			
232	050312240375	Bùi Diễm	Uyên	30/01/2006	HQ12-MAG08	3/6			
233	050112241115	Trương Mỹ	Uyên	04/12/2006	HQ12-BAF01	3/6			
234	050112241109	Dương Ngọc Bảo	Uyên	23/09/2006	HQ12-BAF06	3/6			

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
						VSTEP	IELTS	TOEIC	IBT
235	050512240116	Trần Ngọc Bảo	Uyên	21/09/2006	HQ12-ACC05	4/6			
236	050112240294	Nguyễn Thanh	Vân	25/10/2006	HQ12-BAF22	3/6			
237	050112240293	Võ Nghi	Văn	15/04/2006	HQ12-BAF15	3/6			
238	050112240302	Trần Hoàng	Vũ	23/12/2006	HQ12-BAF19	3/6			
239	050611231618	Vũ Nguyễn Phương	Vy	06/01/2005	HQ11-ACC05	4/6			
240	050112240307	Nguyễn Ngọc Hà	Vy	06/10/2006	HQ12-BAF11	3/6			
241	050611231611	Trịnh Yến	Vy	25/01/2005	HQ11-MAG01	3/6			
242	050112241150	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	04/09/2006	HQ12-BAF01	3/6			
243	050112240311	Phan Thị Thúy	Vy	23/11/2006	HQ12-BAF19	3/6			
244	050112240303	Bùi Thị Thảo	Vy	30/08/2006	HQ12-BAF23	3/6			
245	050112240308	Nguyễn Thị Thảo	Vy	14/07/2006	HQ12-BAF03	3/6			
246	050112241147	Nguyễn Ngọc Bảo	Vy	12/06/2006	HQ12-BAF03	3/6			
247	050112241152	Nguyễn Phan Tường	Vy	16/11/2006	HQ12-BAF04	3/6			
248	050312240386	Trịnh Như	Ý	30/08/2006	HQ12-MAG08	4/6			
249	050212240034	Văn Lê Hoàng	Yến	07/05/2006	HQ12-MIS01	3/6			
250	050312240235	Dương Hải	Yến	26/01/2006	HQ12-MAG02		6.0		

Tổng số: 250 sinh viên

STATE BANK OF VIETNAM
HO CHI MINH UNIVERSITY OF BANKING

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

No: 452g

QĐ-ĐHNH

Ho Chi Minh City, November 28, 2025

DECISION

Regarding the recognition of eligibility for studying English for Specific Purposes (ESP) for full-time undergraduate students in the Partial English Program (CLC),
November 2025 session

RECTOR OF HO CHI MINH UNIVERSITY OF BANKING

Pursuant to Resolution No. 658/QĐ-ĐHNH dated April 4, 2024 of the Governor of the State Bank of Vietnam on the regulations on the functions, duties, powers, and organizational structure of the Banking University of Ho Chi Minh City;"

Pursuant to Resolution No. 159/NQ-ĐHNH-HĐT (September 16th, 2024), by the Chairman of the University Council on promulgating the Regulation on functions, tasks, powers, and organizational structure of the units under the Banking University of Ho Chi Minh City;

Pursuant to Circular No. 01/2014/TT-BGDĐT (January 24th, 2014) issued by the Ministry of Education and Training on promulgating the 6-level Foreign Language Proficiency Framework for Vietnam

Pursuant to Decision No. 1070/QĐ-ĐHNH (April 24th, 2024) by the Rector on promulgating the Regulation on the organization and implementation of the high-quality, partially English-taught, and special undergraduate training programs at the Banking University of Ho Chi Minh City;

Considering the English certificates submitted by students and the recommendation of the Head of the Academic Affairs Office.

DECISION:

Article 1: Recognition of meeting the English proficiency requirement for the General Education stage (equivalent to Level 3/6 of the Vietnamese Foreign Language Proficiency Framework) for 250 full-time undergraduate students in the Partial English Program (CLC), November 2025 session.

(List attached)

Article 2: Related units shall coordinate implementation according to Decision No. 1075/QĐ-ĐHNH (May 8, 2019) by the Rector on promulgating the Regulation on grading management on the Academic Management Software System.

Article 3: The Chief of Office, Head of the Academic Affairs Office, Head of the Testing and Quality Assurance Office, and the students listed in Article 1 are responsible for implementing this Decision.

Recipients:

- As Article 3;
- Testing & Quality Assurance office.
- General Administration Office
- , High-Quality Program Committee.

RECTOR

(Signed)

Nguyen Duc Trung



**List of Full-Time Undergraduate Students of the Partially English-Taught Program (CLC)
Eligible to Register for Specialized English-Taught Courses – November 2025 Session**

Issued together with Decision No. 4529/QĐ-ĐHNH, dated 28 / 11 / 2025 by the Rector of Banking University of
Ho Chi Minh City

NO.	STUDENT ID	FULL NAME		DATE OF BIRTH	SLASS	ENGLISH CERTIFICATE			
						VSTEP	IELTS	TOEIC	IBT
1	050512240001	Mai Hoài	An	07/01/2006	HQ12-ACC04	3/6			
2	050312240002	Nguyễn Thành	An	24/07/2006	HQ12-MAG02	3/6			
3	050312240245	Bùi Thụy Thiên	Ấn	12/04/2006	HQ12-MAG05	3/6			
4	050112240380	Lê Trâm	Anh	26/05/2006	HQ12-BAF21	3/6			
5	050312240005	Đỗ Mai	Anh	31/12/2006	HQ12-MAG08	3/6			
6	050312240013	Phạm Nguyễn Duy	Anh	17/02/2006	HQ12-MAG06	3/6			
7	050112240399	Nguyễn Quỳnh	Anh	29/12/2006	HQ12-BAF23	3/6			
8	050112240401	Nguyễn Thị Trâm	Anh	22/04/2006	HQ12-BAF19	3/6			
9	050312240012	Nguyễn Phương	Anh	01/01/2006	HQ12-MAG01	3/6			
10	050611230045	Lê Hoàng	Anh	19/08/2005	HQ11-BAF16	3/6			
11	050512240009	Phạm Minh	Anh	04/03/2006	HQ12-ACC03	3/6			
12	050112240405	Quách Ngọc Yến	Anh	25/08/2006	HQ12-BAF20	3/6			
13	050112240404	Phạm Hoài	Anh	12/01/2006	HQ12-BAF14	3/6			
14	050512240003	Nguyễn Hồng Trâm	Anh	28/09/2006	HQ12-ACC02	3/6			
15	050312240011	Nguyễn Nữ Quỳnh	Anh	21/04/2006	HQ12-MAG07	3/6			
16	050812240047	Nguyễn Phương	Anh	22/10/2006	HQ12-INE01	3/6			
17	050112240411	Trần Thị Phương	Anh	16/09/2006	HQ12-BAF16	3/6			
18	050112240400	Nguyễn Quỳnh	Anh	16/09/2006	HQ12-BAF04	3/6			
19	050812240049	Phạm Quỳnh	Anh	17/04/2006	HQ12-INE02	3/6			
20	050112240420	Nguyễn Hồng	Ánh	30/08/2006	HQ12-BAF23	3/6			
21	050112240416	Đỗ Hoàng Hồng	Ánh	18/06/2006	HQ12-BAF04	3/6			
22	050212240042	Trương Thị Ngọc	Ánh	13/11/2006	HQ12-MIS01	3/6			
23	050112240423	Trần Ngọc Kim	Ánh	03/06/2006	HQ12-BAF01	3/6			
24	050812240008	Nguyễn Ngọc	Ánh	26/11/2006	HQ12-INE01	3/6			
25	050112240016	Nguyễn Ngọc	Ánh	09/02/2006	HQ12-BAF12	3/6			
26	050112240442	Nguyễn Hoàng Bảo	Châu	23/02/2006	HQ12-BAF19	3/6			
27	050112240026	Võ Ngô Quỳnh	Chi	23/01/2006	HQ12-BAF19	3/6			
28	050112240321	Lê Dương Cẩm	Đài	01/06/2006	HQ12-BAF08	4/6			

NO.	STUDENT ID	FULL NAME		DATE OF BIRTH	SLASS	ENGLISH CERITIFICATE			
						VSTEP	IELTS	TOEIC	IBT
29	050312240255	Lê Hoàng Triệu	Đan	29/05/2006	HQ12-MAG08	3/6			
30	050312240257	Tô Hoàng Khánh	Đăng	10/01/2006	HQ12-MAG04	3/6			
31	050112240451	Ngô Thị Minh	Diễm	15/01/2006	HQ12-BAF15	3/6			
32	050112240319	Lê Nguyễn Ngọc	Diệp	26/02/2006	HQ12-BAF22		4.5		
33	050512240141	Lê Thị Kim	Diệu	01/11/2006	HQ12-ACC01	3/6			
34	050112240485	Phan Nhã	Đoan	19/11/2006	HQ12-BAF05	3/6			
35	050312240258	Huỳnh Nguyễn Tâm	Đoan	07/03/2006	HQ12-MAG04	3/6			
36	050112240484	Lê Tâm	Đoan	09/11/2006	HQ12-BAF02	3/6			
37	050112240458	Hà Tiến	Dũng	21/08/2006	HQ12-BAF18	3/6			
38	050112240473	Nguyễn Trần Bạch	Dương	14/04/2006	HQ12-BAF15	3/6			
39	050312240253	Nguyễn Hoàng Ánh	Dương	19/01/2006	HQ12-MAG06	3/6			
40	050312240254	Trần Nguyễn Thùy	Dương	19/05/2006	HQ12-MAG06	3/6			
41	050212240044	Trương Quốc	Duy	25/09/2006	HQ12-MIS01	3/6			
42	050112240038	Trần Mỹ	Duyên	04/11/2006	HQ12-BAF09	3/6			
43	050112240467	Phan Quốc Thị Mỹ	Duyên	10/05/2006	HQ12-BAF13	3/6			
44	050812240014	Hà Ngọc Kỳ	Duyên	07/04/2006	HQ12-INE01	3/6			
45	050512240147	Hồ Ngọc	Giàu	14/07/2006	HQ12-ACC01	3/6			
46	050112240050	Phạm Vân	Hà	15/01/2004	HQ12-BAF04	3/6			
47	050112240048	Nguyễn Khánh	Hà	07/09/2006	HQ12-BAF02	3/6			
48	050812240051	Nguyễn Lê Ngọc	Hà	17/08/2006	HQ12-INE01	3/6			
49	050312240043	Mai Công	Hạ	15/04/2005	HQ12-MAG05	3/6			
50	050112240521	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	26/07/2006	HQ12-BAF06	3/6			
51	050112240530	Trương Gia	Hân	20/12/2006	HQ12-BAF18	3/6			
52	050112240064	Lê Thái Ngọc	Hân	18/08/2006	HQ12-BAF04	3/6			
53	050212240004	Lâm Mỹ	Hân	16/06/2006	HQ12-MIS01	3/6			
54	050112240056	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	01/04/2006	HQ12-BAF08	3/6			
55	050212240003	Dương Lê Ngọc	Hạnh	11/03/2006	HQ12-MIS01	3/6			
56	050512240161	Phan Nguyễn Trọng	Hiếu	25/08/2006	HQ12-ACC06	3/6			
57	050112240544	Nguyễn Thu	Hiếu	26/08/2006	HQ12-BAF21	3/6			
58	050312240059	Bùi Thái	Hòa	12/05/2006	HQ12-MAG05	3/6			
59	050112240323	Trần Đức	Hòa	28/09/2006	HQ12-BAF21	3/6			
60	050112240552	Lê Minh	Hoàng	07/11/2006	HQ12-BAF02	3/6			
61	050112240091	Đỗ Gia	Hưng	20/09/2006	HQ12-BAF18	3/6			

NO.	STUDENT ID	FULL NAME		DATE OF BIRTH	SLASS	ENGLISH CERTIFICATE			
						VSTEP	IELTS	TOEIC	IBT
62	050112240586	Nguyễn Huỳnh	Hương	22/08/2006	HQ12-BAF19	3/6			
63	050112240585	Lê Thị Lan	Hương	12/09/2006	HQ12-BAF14	3/6			
64	050112240077	Phạm Nhật Minh	Huy	08/09/2006	HQ12-BAF02	3/6			
65	050112240575	Trần Mai	Huyền	26/10/2006	HQ12-BAF21	3/6			
66	050512240168	Trần Thị Thanh	Huyền	26/08/2006	HQ12-ACC06	3/6			
67	050112240086	Phan Thị Thanh	Huyền	26/02/2006	HQ12-BAF22	3/6			
68	050112240577	Văn Thanh	Huyền	23/01/2006	HQ12-BAF19	3/6			
69	050212240005	Phạm Thị Thanh	Huyền	25/08/2006	HQ12-MIS01	3/6			
70	050611230466	Nguyễn Xuân	Khả	02/02/2005	HQ11-BAF17	3/6			
71	050112240598	Phan Phúc	Khang	16/09/2006	HQ12-BAF16	3/6			
72	050112240325	Huỳnh Lê Minh	Khang	13/09/2006	HQ12-BAF03	3/6			
73	050112240602	Phạm Ngọc Phương	Khanh	30/10/2006	HQ12-BAF23	4/6			
74	050312240281	Nguyễn Thị Ngọc	Khánh	08/02/2006	HQ12-MAG01	3/6			
75	050812240023	Nguyễn Đăng	Khoa	06/10/2006	HQ12-INE02	3/6			
76	050112240624	Cao Trung	Kiên	14/04/2006	HQ12-BAF15	3/6			
77	050112240628	Đỗ Gia	Kiệt	17/02/2006	HQ12-BAF04	3/6			
78	050312240289	Nguyễn Hoàng Thiên	Kim	10/05/2006	HQ12-MAG01	3/6			
79	050112240635	Huỳnh An	Lạc	21/08/2006	HQ12-BAF05	3/6			
80	050112240639	Thái Nguyễn Kiều	Lam	11/01/2006	HQ12-BAF03	3/6			
81	050112240641	Nguyễn Thị Mai	Lan	16/05/2006	HQ12-BAF16	3/6			
82	050112240109	Nguyễn Ngọc Vân	Lê	28/08/2006	HQ12-BAF22	3/6			
83	050512240177	Nguyễn Thùy Thảo	Linh	09/09/2006	HQ12-ACC01	3/6			
84	050212240012	Trần Diệu	Linh	20/01/2006	HQ12-MIS01	3/6			
85	050212240011	Tao Trúc	Linh	03/09/2006	HQ12-MIS01	3/6			
86	050112240645	Hồ Ngọc Phương	Linh	26/09/2006	HQ12-BAF21	3/6			
87	050112240659	Phạm Tô Mai	Linh	14/11/2005	HQ12-BAF15	3/6			
88	050312240079	Đỗ Phương	Linh	26/03/2006	HQ12-MAG07	3/6			
89	050112240117	Nguyễn Thị Hồng	Linh	15/11/2006	HQ12-BAF16	3/6			
90	050112240673	Lâm Thụy Kim	Lợi	20/09/2006	HQ12-BAF05	3/6			
91	050112240678	Lưu Khánh	Ly	11/12/2006	HQ12-BAF13	3/6			
92	050112240682	Trần Phan Oanh	Ly	28/05/2006	HQ12-BAF21	3/6			
93	050312240085	Võ Ngọc Phương	Ly	08/09/2006	HQ12-MAG01	3/6			
94	050112240681	Phạm Kỳ Thái	Ly	06/08/2006	HQ12-BAF11	3/6			

NO.	STUDENT ID	FULL NAME	DATE OF BIRTH	SLASS	ENGLISH CERITIFICATE			
					VSTEP	IELTS	TOEIC	IBT
95	050112240679	Nguyễn Hương Ly	08/04/2006	HQ12-BAF12	3/6			
96	050312240086	Đào Bạch Thanh Mai	02/10/2006	HQ12-MAG03	3/6			
97	050112240686	Nguyễn Thị Xuân Mai	11/07/2006	HQ12-BAF13	3/6			
98	050312240296	Nguyễn Phương Mai	12/09/2006	HQ12-MAG01	3/6			
99	050312240087	Nguyễn Phạm Phương Mai	19/12/2006	HQ12-MAG02			580+290	
100	050112240339	Trần Thị Phương Minh	21/06/2006	HQ12-BAF18	3/6			
101	050112240699	Nguyễn Đăng Minh	19/02/2006	HQ12-BAF05	4/6			
102	050112240125	Hồ Hải My	17/11/2006	HQ12-BAF04	3/6			
103	050112240711	Văn Uyên Thảo My	14/02/2006	HQ12-BAF15	3/6			
104	050112240127	Nguyễn Trà My	20/02/2006	HQ12-BAF17	3/6			
105	050112240132	Lê Thị Na Na	26/05/2006	HQ12-BAF22	3/6			
106	050112240716	Lê Thị Xin Na	03/08/2006	HQ12-BAF09	3/6			
107	050112240717	Trần Thị Y Na	15/06/2006	HQ12-BAF15	3/6			
108	050512240057	Trần Thị Na Na	06/10/2006	HQ12-ACC04	3/6			
109	050212240058	Nguyễn Nữ Khánh Na	11/12/2005	HQ12-MIS01	3/6			
110	050112240718	Đặng Thị Thúy Nga	07/07/2006	HQ12-BAF11	3/6			
111	050512240061	Trần Ngọc Phương Ngân	21/12/2005	HQ12-ACC02	3/6			
112	050112240147	Trần Bảo Ngân	23/07/2006	HQ12-BAF06	3/6			
113	050212240016	Vũ Thị Thùy Ngân	30/01/2006	HQ12-MIS02	3/6			
114	050112240727	Nguyễn Hà Ngọc Ngân	04/08/2006	HQ12-BAF09	3/6			
115	050112240139	Ngô Kim Ngân	28/04/2006	HQ12-BAF21	3/6			
116	050112240726	Lê Thị Kim Ngân	07/12/2006	HQ12-BAF11	3/6			
117	050112240145	Phan Trần Ngọc Ngân	11/07/2006	HQ12-BAF03	3/6			
118	050112240743	Võ Tạ Phương Nghi	26/08/2006	HQ12-BAF07	3/6			
119	050112240741	Nguyễn Huỳnh Xuân Nghi	01/02/2006	HQ12-BAF01	4/6			
120	050112240749	Lâm Bích Ngọc	20/05/2006	HQ12-BAF05	3/6			
121	050312240105	Đỗ Thị Minh Ngọc	31/12/2006	HQ12-MAG08	4/6			
122	050312240112	Trần Minh Ngọc	29/08/2006	HQ12-MAG08	3/6			
123	050312240106	Lê Huỳnh Bảo Ngọc	18/02/2006	HQ12-MAG06	3/6			
124	050112240154	Bùi Lê Hồng Ngọc	07/02/2006	HQ12-BAF02	3/6			
125	050112240763	Trần Hồng Ngọc	14/05/2006	HQ12-BAF15	3/6			
126	050112240157	Huỳnh Hoàng Ngọc	16/12/2006	HQ12-BAF16	3/6			
127	050112240156	Đoàn Bảo Ngọc	15/01/2006	HQ12-BAF15	3/6			

NO.	STUDENT ID	FULL NAME		DATE OF BIRTH	SLASS	ENGLISH CERITIFICATE			
						VSTEP	IELTS	TOEIC	IBT
128	050312240311	Trần Hồ Bảo	Ngọc	29/03/2006	HQ12-MAG08	3/6			
129	050312240111	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	12/08/2006	HQ12-MAG05	3/6			
130	050812240058	Lê Nguyễn Bảo	Ngọc	06/10/2006	HQ12-INE02	3/6			
131	050112240170	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	27/04/2006	HQ12-BAF22	3/6			
132	050112240172	Phạm Lê Thảo	Nguyên	21/12/2006	HQ12-BAF05	3/6			
133	050212240018	Nguyễn Phạm Phương	Nguyên	20/08/2006	HQ12-MIS02	3/6			
134	050112240175	Bùi Như	Nguyệt	16/06/2006	HQ12-BAF04	3/6			
135	050112240784	Nguyễn Kim	Nhân	27/11/2006	HQ12-BAF21	3/6			
136	050112240189	Trần Ngọc Phương	Nhi	21/01/2006	HQ12-BAF05	3/6			
137	050112240805	Nguyễn Thị Yến	Nhi	09/07/2006	HQ12-BAF12	3/6			
138	050312240320	Nguyễn Hoàng Ý	Nhi	30/10/2006	HQ12-MAG08	3/6			
139	050312240323	Trần Thị Yến	Nhi	20/04/2006	HQ12-MAG06	3/6			
140	050312240118	Nguyễn Thị Yến	Nhi	30/07/2006	HQ12-MAG08	3/6			
141	050312240319	Lê Yến	Nhi	14/07/2006	HQ12-MAG05	3/6			
142	050112240803	Nguyễn Phan Yến	Nhi	28/08/2006	HQ12-BAF07	4/6			
143	050312240125	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	29/06/2006	HQ12-MAG02	3/6			
144	050112240345	Phạm Quỳnh	Như	21/02/2006	HQ12-BAF05	3/6			
145	050112240827	Nguyễn Hồ Quỳnh	Như	29/03/2006	HQ12-BAF21	3/6			
146	050112240834	Nguyễn Thụy Quỳnh	Như	03/05/2006	HQ12-BAF09	3/6			
147	050112240196	Ngô Nguyễn Quỳnh	Như	15/10/2006	HQ12-BAF15	3/6			
148	050312240126	Phạm Quỳnh	Như	31/01/2006	HQ12-MAG08	3/6			
149	050312240127	Trương Thị Quỳnh	Như	30/03/2006	HQ12-MAG08	4/6			
150	050112240195	Huỳnh Thị Tố	Như	18/08/2005	HQ12-BAF17	3/6			
151	050112240836	Phan Thị Huỳnh	Như	15/08/2006	HQ12-BAF15	3/6			
152	050112240825	Lê Tâm	Như	08/07/2006	HQ12-BAF12	3/6			
153	050112240191	Phan Thị Thùy	Nhung	27/12/2006	HQ12-BAF22	3/6			
154	050112240840	Trần Khánh	Nhật	17/10/2006	HQ12-BAF16	3/6			
155	050112240842	Võ Hoàng	Oanh	01/01/2006	HQ12-BAF08	3/6			
156	050312240335	Trần Thanh	Phong	04/10/2006	HQ12-MAG03	4/6			
157	050112240205	Vũ Thiên	Phúc	12/02/2006	HQ12-BAF14	3/6			
158	050112240858	Đỗ Ngọc Hà	Phương	20/01/2006	HQ12-BAF17	3/6			
159	050312240339	Lê Thụy Vân	Phương	07/05/2006	HQ12-MAG04	3/6			
160	050312240130	Nguyễn Mai	Phương	29/06/2006	HQ12-MAG08	4/6			

NO.	STUDENT ID	FULL NAME		DATE OF BIRTH	SLASS	ENGLISH CERITIFICATE			
						VSTEP	IELTS	TOEIC	IBT
161	050312240134	Phạm Thị Mai	Phuong	21/02/2006	HQ12-MAG02	3/6			
162	050112240874	Nguyễn Phạm Tiến	Quân	22/01/2006	HQ12-BAF05	3/6			
163	050112240875	Trương Minh	Quân	23/03/2006	HQ12-BAF06	3/6			
164	050112240214	Đặng Đức	Quý	06/08/2006	HQ12-BAF11	3/6			
165	050112240882	Phùng Thị Mỹ	Quyên	03/06/2006	HQ12-BAF01	3/6			
166	050512240220	Đặng Lê Hải	Quỳnh	10/03/2006	HQ12-ACC04	3/6			
167	050512240084	Võ Diễm	Quỳnh	13/02/2006	HQ12-ACC01	3/6			
168	050112240892	Nguyễn Đoàn Như	Quỳnh	25/04/2006	HQ12-BAF06	3/6			
169	050112240887	Lý Ngọc	Quỳnh	25/09/2006	HQ12-BAF20		5.0		
170	050112240886	Lâm Trúc	Quỳnh	18/02/2006	HQ12-BAF04	3/6			
171	050312240152	Vũ Thành	Tài	29/07/2006	HQ12-MAG08	3/6			
172	050312240154	Nguyễn Phương	Tâm	06/11/2006	HQ12-MAG04	4/6			
173	050112240922	Lê Đặng Tiểu	Thành	28/12/2006	HQ12-BAF22	3/6			
174	050312240155	Bùi Phương	Thảo	10/11/2006	HQ12-MAG05	3/6			
175	050312240347	Nguyễn Thị Phương	Thảo	06/11/2006	HQ12-MAG04	3/6			
176	050112240926	Hồ Thị Phương	Thảo	07/11/2006	HQ12-BAF11	3/6			
177	050512240089	Trương Đỗ Việt	Thảo	26/04/2006	HQ12-ACC06	3/6			
178	050112240925	Đặng Thị Phương	Thảo	05/08/2006	HQ12-BAF10	3/6			
179	050112240942	Trương Thị Thanh	Thảo	14/02/2006	HQ12-BAF15	3/6			
180	050112240924	Đỗ Thị Phương	Thảo	25/05/2006	HQ12-BAF20	3/6			
181	050112240229	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	12/02/2006	HQ12-BAF03	3/6			
182	050112240226	Lê Hồng Phương	Thảo	25/01/2006	HQ12-BAF20	3/6			
183	050112240932	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	22/11/2006	HQ12-BAF06	3/6			
184	050512240091	Tăng Hiếu	Thịnh	13/10/2006	HQ12-ACC01	3/6			
185	050112240976	Lại Hoàng Minh	Thư	19/02/2006	HQ12-BAF17	3/6			
186	050312240172	Phạm Anh	Thư	23/10/2006	HQ12-MAG07	3/6			
187	050112240983	Nguyễn Huỳnh Nhật	Thư	13/06/2006	HQ12-BAF03	4/6			
188	050112240974	Lê Thị Minh	Thư	25/10/2006	HQ12-BAF21	3/6			
189	050112240994	Phan Ngọc Yến	Thư	16/11/2006	HQ12-BAF16		5.5		
190	050312240354	Nguyễn Hoàng Minh	Thư	18/11/2006	HQ12-MAG02		6.0		
191	050112240987	Nguyễn Thị Anh	Thư	01/05/2006	HQ12-BAF08	3/6			
192	050312240358	Nguyễn Phương Hoài	Thương	11/07/2006	HQ12-MAG01	3/6			
193	050112240968	Võ Phạm Thanh	Thúy	14/01/2006	HQ12-BAF15	3/6			

NO.	STUDENT ID	FULL NAME		DATE OF BIRTH	SLASS	ENGLISH CERTIFICATE			
						VSTEP	IELTS	TOEIC	IBT
194	050512240095	Văn Hoa Anh	Thùy	12/10/2006	HQ12-ACC04	3/6			
195	050112240966	Trần Ngọc Phương	Thùy	05/03/2006	HQ12-BAF10	4/6			
196	050112240235	Phạm Phương	Thùy	24/04/2006	HQ12-BAF20	3/6			
197	050312240352	Thiều Thị Thanh	Thuyền	16/03/2006	HQ12-MAG02	3/6			
198	050312240178	Trần Hoàng Bảo	Thy	02/03/2006	HQ12-MAG03	3/6			
199	050112241008	Võ Nguyễn Phương	Thy	10/01/2006	HQ12-BAF02	3/6			
200	050312240180	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	11/03/2006	HQ12-MAG01	3/6			
201	050112240251	Quách Lê Ngọc	Tiên	02/01/2006	HQ12-BAF01	3/6			
202	050312240181	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	27/04/2006	HQ12-MAG08	3/6			
203	050112241017	Lê Văn	Toàn	30/05/2006	HQ12-BAF23	3/6			
204	050112241021	Hồ Thị Ngọc	Trà	05/11/2006	HQ12-BAF10	3/6			
205	050112240265	Hoàng Ngọc Quỳnh	Trâm	26/04/2006	HQ12-BAF22	3/6			
206	050112241052	Nguyễn Ngọc	Trâm	21/01/2006	HQ12-BAF18	3/6			
207	050112240266	Lê Thị Bích	Trâm	26/06/2006	HQ12-BAF22	3/6			
208	050512240111	Nguyễn Ngọc Quế	Trân	16/10/2006	HQ12-ACC01	3/6			
209	050512240110	Ngô Bảo	Trân	02/07/2006	HQ12-ACC03	3/6			
210	050512240252	Trần Bảo	Trân	09/04/2006	HQ12-ACC04	3/6			
211	050112240272	Nguyễn Song Bảo	Trân	18/01/2006	HQ12-BAF17	3/6			
212	050112241060	Huỳnh Bảo	Trân	07/02/2006	HQ12-BAF11	3/6			
213	050312240186	Lê Thị Thùy	Trang	23/02/2006	HQ12-MAG07	3/6			
214	050512240247	Nguyễn Thùy	Trang	23/01/2006	HQ12-ACC06	3/6			
215	050112240259	Cao Hoàng Thảo	Trang	22/03/2004	HQ12-BAF18	3/6			
216	050112240276	Mai Sơn Khánh	Triệu	23/08/2006	HQ12-BAF06	3/6			
217	050512240253	Lê Thị Mỹ	Trinh	01/01/2006	HQ12-ACC01	3/6			
218	050112240277	Phạm Lê Thùy	Trinh	22/02/2006	HQ12-BAF18	3/6			
219	050312240204	Phan Ngọc Phương	Trinh	16/11/2006	HQ12-MAG06	3/6			
220	050312240201	Lê Kiều	Trinh	10/04/2006	HQ12-MAG04	3/6			
221	050312240205	Ngô Thị Khánh	Trinh	11/07/2006	HQ12-MAG05	4/6			
222	050112240284	Trần Thanh	Tú	24/10/2006	HQ12-BAF06	3/6			
223	050112241098	Phan Lê Thanh	Tú	08/08/2006	HQ12-BAF02	3/6			
224	050112240354	Đình Minh	Tuệ	28/08/2006	HQ12-BAF07	3/6			
225	050112241100	Hứa Gia	Tuệ	06/03/2006	HQ12-BAF02	3/6			
226	050112241107	Nguyễn Thiên	Tường	28/02/2006	HQ12-BAF22	3/6			

VIỆT NAM

NO.	STUDENT ID	FULL NAME		DATE OF BIRTH	SLASS	ENGLISH CERITIFICATE			
						VSTEP	IELTS	TOEIC	IBT
227	050212240075	Trần Ý	Tường	05/08/2006	HQ12-MIS02	3/6			
228	050212240074	Trịnh Thị	Tuyền	28/07/2006	HQ12-MIS01	3/6			
229	050112240286	Lê Nguyễn Thanh	Tuyền	16/03/2006	HQ12-BAF04			675+280	
230	050312240217	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	05/08/2006	HQ12-MAG03	3/6			
231	050512240259	Nguyễn Thu	Uyên	21/06/2006	HQ12-ACC02	3/6			
232	050312240375	Bùi Diễm	Uyên	30/01/2006	HQ12-MAG08	3/6			
233	050112241115	Trương Mỹ	Uyên	04/12/2006	HQ12-BAF01	3/6			
234	050112241109	Dương Ngọc Bảo	Uyên	23/09/2006	HQ12-BAF06	3/6			
235	050512240116	Trần Ngọc Bảo	Uyên	21/09/2006	HQ12-ACC05	4/6			
236	050112240294	Nguyễn Thanh	Vân	25/10/2006	HQ12-BAF22	3/6			
237	050112240293	Võ Nghi	Văn	15/04/2006	HQ12-BAF15	3/6			
238	050112240302	Trần Hoàng	Vũ	23/12/2006	HQ12-BAF19	3/6			
239	050611231618	Vũ Nguyễn Phương	Vy	06/01/2005	HQ11-ACC05	4/6			
240	050112240307	Nguyễn Ngọc Hà	Vy	06/10/2006	HQ12-BAF11	3/6			
241	050611231611	Trịnh Yến	Vy	25/01/2005	HQ11-MAG01	3/6			
242	050112241150	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	04/09/2006	HQ12-BAF01	3/6			
243	050112240311	Phan Thị Thúy	Vy	23/11/2006	HQ12-BAF19	3/6			
244	050112240303	Bùi Thị Thảo	Vy	30/08/2006	HQ12-BAF23	3/6			
245	050112240308	Nguyễn Thị Thảo	Vy	14/07/2006	HQ12-BAF03	3/6			
246	050112241147	Nguyễn Ngọc Bảo	Vy	12/06/2006	HQ12-BAF03	3/6			
247	050112241152	Nguyễn Phan Tường	Vy	16/11/2006	HQ12-BAF04	3/6			
248	050312240386	Trịnh Như	Ý	30/08/2006	HQ12-MAG08	4/6			
249	050212240034	Văn Lê Hoàng	Yến	07/05/2006	HQ12-MIS01	3/6			
250	050312240235	Dương Hải	Yến	26/01/2006	HQ12-MAG02		6.0		

Total: 250 students